

Tìm hiểu thêm về
Máy Điều Hòa Mitsubishi Electric tại:
www.mitsubishi-electric.vn



for a greener tomorrow

Eco Changes là tuyên bố về môi trường của Tập đoàn Mitsubishi Electric, thể hiện tinh thần và quan điểm của tập đoàn về công tác quản lý bảo vệ môi trường. Thông qua các hoạt động sản xuất kinh doanh đa dạng, chúng tôi tích cực đóng góp để tạo ra ý thức bảo vệ môi trường, góp phần xây dựng một xã hội phát triển bền vững.



Các sản phẩm của Tập đoàn Mitsubishi Electric đã đạt được chứng chỉ ISO 9001 trong chuỗi tiêu chuẩn 9000 của Tổ chức Tiêu chuẩn Quốc tế (ISO) trên cơ sở về Đảm bảo chất lượng đối với qui trình sản xuất sản phẩm. Nhà máy chúng tôi cũng đã đạt được chứng chỉ ISO 14001 về tiêu chuẩn hệ thống quản lý môi trường.

CÔNG TY TNHH MITSUBISHI ELECTRIC VIỆT NAM

TRỤ SỞ CHÍNH:

Phòng 01-04, Tầng 10, Vincom Center,
72 Lê Thánh Tôn, Q.1, Tp.HCM.
Tel: (84) 28 3910 5945
Fax: (84) 28 3910 5947

CN HÀ NỘI:

Tầng 6, Detech Tower, 8 Tôn Thất Thuyết,
Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
Tel: (84) 24 3937 8075
Fax: (84) 24 3937 8076

CN ĐÀ NẴNG:

Phòng 1102, Tầng 11, Thành Lợi Building,
135 Nguyễn Văn Linh, Quận Thanh Khê, Đà Nẵng.
Tel: (84) 236 365 6245
Fax: (84) 236 365 6246



www.mitsubishi-electric.vn



www.facebook.com/mitsubishielectricvietnam



1800 58 58 33 (Miễn phí cuộc gọi đến)

Ver 01-032017

for a greener tomorrow



Điều hòa thì phải **Êm**

**INVERTER⁺
PAM CONTROL**



ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ

**Mr. SLIM
2017**

zzz



Điều hòa thì phải **Bền**



Mr Slim là thương hiệu máy điều hòa duy nhất của MITSUBISHI ELECTRIC tại Việt Nam

CÁC DÒNG SẢN PHẨM

MSZ-FM SERIES

DÒNG SẢN PHẨM INVERTER – HAI CHIỀU

MSZ-FM25VA — CÔNG SUẤT ~ 1HP
MSZ-FM35VA — CÔNG SUẤT ~ 1,5HP



MSZ-HL SERIES

DÒNG SẢN PHẨM INVERTER – HAI CHIỀU

MSZ-HL25VA — CÔNG SUẤT ~ 1HP
MSZ-HL35VA — CÔNG SUẤT ~ 1,5HP
MSZ-HL50VA — CÔNG SUẤT ~ 2HP



MSY-GH SERIES

DÒNG SẢN PHẨM INVERTER – MỘT CHIỀU

MSY-GH10VA — CÔNG SUẤT ~ 1HP
MSY-GH13VA — CÔNG SUẤT ~ 1,5HP



MSY-GM SERIES

DÒNG SẢN PHẨM INVERTER – MỘT CHIỀU

MSY-GM18VA — CÔNG SUẤT ~ 2HP
MSY-GM24VA — CÔNG SUẤT ~ 2,5HP



MS-HM SERIES

DÒNG SẢN PHẨM SANG TRỌNG

MS-HM25VA — CÔNG SUẤT ~ 1HP
MS-HM35VA — CÔNG SUẤT ~ 1,5HP
MS-HM50VA — CÔNG SUẤT ~ 2HP
MS-HM60VA — CÔNG SUẤT ~ 2,5HP



MS-HL SERIES

DÒNG SẢN PHẨM BÁN SANG TRỌNG

MS-HL25VC — CÔNG SUẤT ~ 1HP
MS-HL35VC — CÔNG SUẤT ~ 1,5HP



TƯ VẤN CÔNG SUẤT MÁY



Ví dụ: Phòng ngủ có kích thước D 6m x R 4m x C 3m

$$\text{Công suất máy} = \frac{(6 \times 4 \times 3)}{40} = \frac{72}{40} = 1.8 \text{ HP}$$

NÊN CHỌN MÁY 2 HP

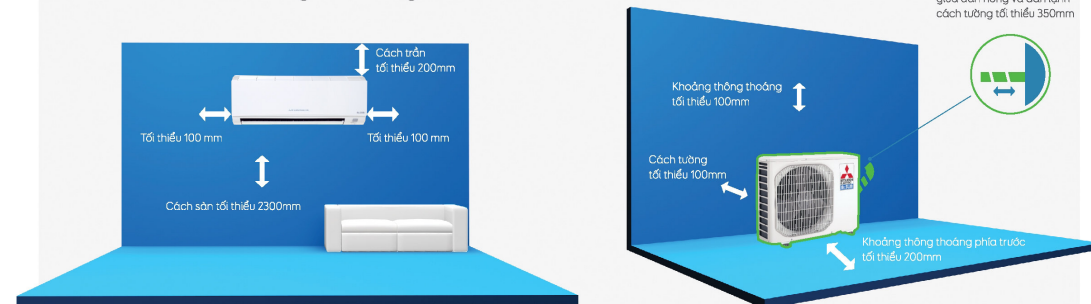
$$\text{Công suất máy (HP)} = \frac{\text{Thể tích phòng (Dài x Rộng x Cao)}}{40}$$

*Lưu ý:

- Chia 1/3 số nhỏ hơn (35 thay vì 40) đối với phòng khách hoặc đồng người, nhiều ánh sáng
- Công thức trên chỉ áp dụng tham khảo theo nhu cầu sử dụng thông thường trong gia đình. Việc lựa chọn máy còn phụ thuộc vào môi trường lắp đặt thực tế.

BA LƯU Ý KHI LẮP ĐẶT MÁY ĐIỀU HOÀ

Để điều hoà hoạt động một cách hiệu quả nhất và thuận tiện cho việc bảo dưỡng và vệ sinh, bạn cần nắm được những phương pháp và kiến thức để lắp đặt máy điều hoà theo những bước đơn giản sau:



Sơ đồ lắp đặt dàn lạnh

Sơ đồ lắp đặt dàn nóng

1

Chọn vị trí lắp đặt.

Nên lắp dàn lạnh sao cho luồng gió thổi theo chiều dọc, đảm bảo luồng khí lạnh được trải đều khắp phòng. Không lắp dàn lạnh và dàn nóng đầu lụng vào nhau trên cùng 1 bức tường, để tránh tiếng ồn cộng hưởng do cả 2 cùng hoạt động.

2

Lắp đặt dàn lạnh của điều hoà ở những vị trí ít bị nắng chiếu.

Điều này giúp điều hoà làm lạnh nhanh hơn trong quá trình hoạt động, theo đó giúp giảm thiểu công suất làm lạnh ban đầu. Dàn nóng cũng nên đặt ở những nơi thông thoáng.

3

Dàn lạnh điều hoà nên lắp đặt ở độ cao thuận tiện cho việc bảo dưỡng và vệ sinh.

Đặc biệt bạn có thể tự vệ sinh máy lạnh Mitsubishi Electric bằng tay một cách dễ dàng, thuận tiện.

TIẾT KIỆM ĐIỆN

ĐẠT CHUẨN 5 SAO

Của Bộ Công Thương

PAM
Inverter

CÔNG NGHỆ PAM INVERTER

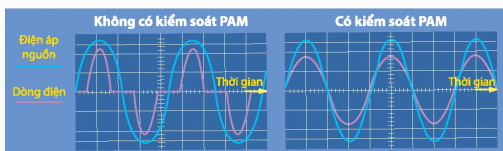
Công nghệ tiết kiệm điện năng ưu việt từ cam kết bảo vệ môi trường của Mitsubishi Electric.

Công nghệ biến tần Inverter đưa nhiệt độ phòng về mức mong muốn nhanh hơn các loại điều hòa thông thường và duy trì mức nhiệt độ cài đặt thông qua tần suất hoạt động ổn định của máy nén. Từ đó giúp máy vận hành tối ưu và tiết kiệm điện năng tiêu thụ.

PAM
Control

PAM CONTROL (ĐIỀU BIẾN BIÊN ĐỘ XUNG)

Với điều khiển PAM, sóng của điện thế nguồn và của dòng điện đồng dạng nhau, 98% nguồn điện đầu vào được sử dụng hiệu quả.



Econo Cool

TIẾT KIỆM ĐIỆN THÔNG MINH

Tính năng Econo Cool tự động điều chỉnh hướng gió dựa trên nhiệt độ tại cửa gió. Vì vậy, nhiệt độ cài đặt có thể cao hơn 2°C so với chế độ thông thường (không sử dụng tính năng này) mà không làm mất đi sự thoải mái và tăng hiệu quả tiết kiệm năng lượng lên 20%.

Chế độ làm lạnh thông thường

Tính năng "Econo Cool"



Đảm bảo thoải mái hơn thậm chí ngay cả khi nhiệt độ cao hơn 2°C so với cài đặt thông thường.

	Thông thường	Tính năng Econo Cool
Nhiệt độ môi trường xung quanh	36°C	36°C
Nhiệt độ cài đặt	25°C	27°C
Nhiệt độ cảm nhận	30°C	29.3°C

INVERTER+
PAM CONTROL



VẬN HÀNH CỰC ÊM

Công nghệ Inverter tiên tiến của Mitsubishi Electric đã tạo ra máy điều hòa không khí vận hành siêu êm.



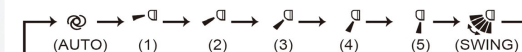
CHỨC NĂNG FUZZY LOGIC "I FEEL"

Máy tự động lựa chọn chế độ thích hợp theo nhiệt độ phòng. Khi nhiệt độ phòng lớn hơn 25°C, chế độ COOL sẽ được chọn. Nếu nhiệt độ phòng dưới 25 °C, chế độ DRY sẽ được kích hoạt.



ĐIỀU CHỈNH 5 HƯỚNG THỔI GIÓ

Sau 60 phút hoạt động, máy sẽ tự động điều chỉnh về hướng gió số [1] - thổi sát trần nhằm mục đích hạn chế hơi lạnh thổi trực tiếp vào người dùng bên dưới và đưa hơi lạnh lan tỏa đều khắp phòng.



LÀM LẠNH NHANH & BỀN BỈ



TỰ LÀM SẠCH - TÁI SỬ DỤNG ĐƯỜNG ỐNG HIỆN TẠI

Tái sử dụng đường ống cũ của điều hòa không khí Gas R22 cho các dòng máy Gas R410a của Mitsubishi Electric mà không cần phải vệ sinh đường ống, giúp bạn tiết kiệm chi phí lắp đặt hiệu quả.



Độ dày đường ống >= 0.7mm



LUỒNG THỔI RỘNG & XA

Luồng thổi rộng hơn, xa hơn với chế độ "LONG & WIDE mode"



— Luồng thổi đạt đến 12m —



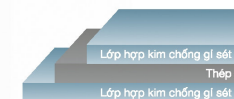
LÀM LẠNH NHANH

Chức năng "Powerful Cool" đảm bảo làm lạnh nhanh hơn. Hệ thống tạo ra lưu lượng khí cao hơn 10% so với tốc độ "quạt cao", làm mát phòng trong vòng chưa đến 15 phút, sau đó tự động trở về chế độ cài đặt thông thường.



CHỐNG GỈ SÉT

Toàn bộ vỏ dàn nóng được xử lý tăng tuổi thọ bằng sơn chống gỉ sét đặc biệt.



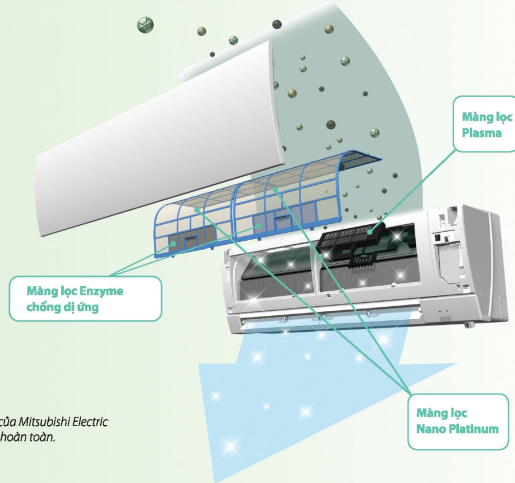
Vỏ dàn nóng

VỆ SINH DỄ DÀNG



VỆ SINH DỄ DÀNG

Mặt trước có thể tháo rời van thổi gió và dễ dàng mở các cánh đảo gió mà không cần dụng cụ chuyên dụng, giúp cho việc vệ sinh và bảo dưỡng máy điều hòa không khí dễ dàng hơn bao giờ hết. Nên vệ sinh định kỳ máy để đảm bảo tối đa hóa hiệu quả hoạt động và tiết kiệm năng lượng.



Màng lọc Enzyme chống dị ứng

Màng lọc Plasma

Màng lọc Nano Platinum



Dàn trao đổi nhiệt bẩn: tiêu điện tăng thêm 5%*
Lồng quạt bẩn: tiêu điện tăng thêm 25%*
Lưới lọc bẩn: tiêu điện tăng thêm 15%*

*Tiêu điện được so sánh trong điều kiện phòng thí nghiệm của Mitsubishi Electric giữa một máy có 08 grams bụi & một máy được làm sạch hoàn toàn.



Bước 1: Tháo van thổi gió bằng cách bật nhẹ 2 chốt



Bước 2: Vệ sinh cánh đảo gió



Bước 3: Vệ sinh bên trong lồng quạt



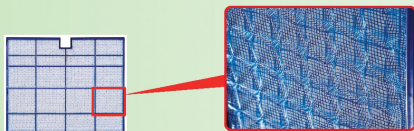
Bước 4: Vệ sinh tấm lọc & dàn tản nhiệt

KHỬ MÙI KHÁNG KHUẨN



MÀNG LỌC NANO PLATINUM

Màng lọc kết hợp các hạt Platinum Ceramic kích thước cực nhỏ có tác dụng kháng khuẩn và khử mùi hiệu quả. Kích thước bề mặt kiểu gợn sóng ba chiều giúp tăng cường phạm vi lọc khí, nâng cao khả năng thu gom bụi tốt hơn so với các màng lọc thông thường.



* Có thể sử dụng nước để làm sạch màng lọc (tác dụng làm sạch khí vẫn được đảm bảo)

Bề mặt 3D (bề mặt dạng sóng)



MÀNG LỌC ENZYME CHỐNG DỊ ỨNG

Màng lọc enzyme chống dị ứng thể hệ mới với Enzyme xanh nhân tạo giúp loại bỏ và phân hủy vi khuẩn, vi-rút, bụi, phấn hoa và các tác nhân gây dị ứng giúp không khí trong lành hơn.



MÀNG LỌC PLASMA

Màng lọc Plasma tiêu diệt vi khuẩn từ bên trong bằng cách tạo ra một màng điện trường và phóng các tia tĩnh điện vào toàn bộ vùng không khí đang được hút vào máy.

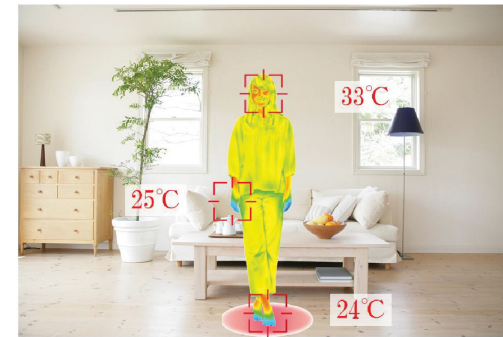
MẮT THẦN CẢM BIẾN “I-SEE”

3D i-see Sensor

Mắt thần cảm biến phát ra tia hồng ngoại quét khắp phòng theo 3 chiều để đo nhiệt độ tại từng khu vực không gian cùng với 8 cấp độ cảm ứng giúp phân tích nhiệt độ một cách chính xác nhất.

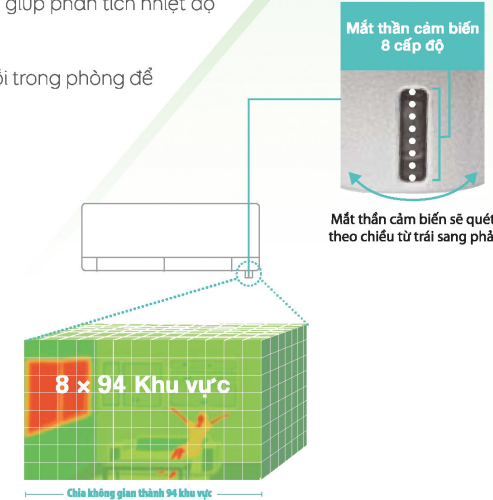
Chức năng này cho phép xác định được vị trí của người ngồi trong phòng để điều chỉnh hoạt động của luồng gió.

MẮT THẦN PHÂN TÍCH THÂN NHIỆT



Mắt thần cảm biến 8 cấp độ

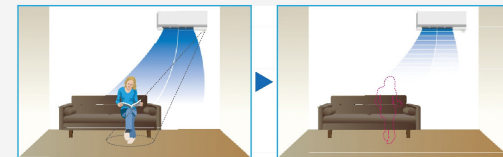
Mắt thần cảm biến sẽ quét theo chiều từ trái sang phải



Chia không gian thành 94 khu vực

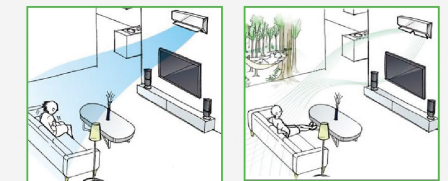
NHẬN BIẾT VẮNG MẶT

Mắt thần có thể nhận biết được vị trí của người trong phòng nhờ thân nhiệt. Khi cảm biến nhận thấy phòng không có người, máy sẽ tự chuyển về chế độ vận hành tiết kiệm.



Khi “I-See” nhận biết phòng không có người, máy sẽ tự động giảm năng suất hoạt động 10% sau 10 phút và 20% sau 60 phút.

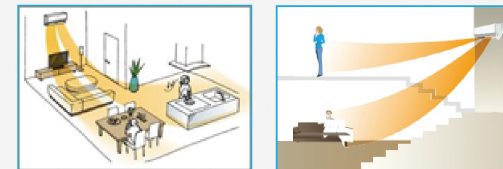
CHẾ ĐỘ “GIÓ TỰ NHIÊN”



Luồng gió mạnh thổi trực tiếp vào người trong thời gian dài gây sự không thoải mái

Luồng gió tự nhiên dần trái tạo sự thoải mái suốt ngày

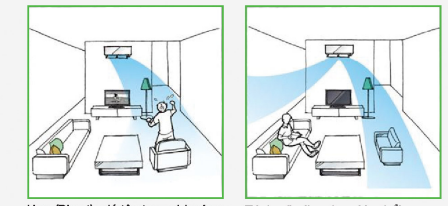
CÁNH QUẠT ĐÔI



Cùng lúc thổi gió đến vị trí gần nhất và xa nhất

Điều hòa gió cho cả 2 tầng

CHẾ ĐỘ GIÓ “TÁCH / HỢP”



Hợp (Direct): gió tập trung 1 hướng

Tách (Indirect): gió thổi xung quanh và trải đều

MSZ-FM
SERIES

DÒNG INVERTER – HAI CHIỀU

- MẮT THẦN CẢM BIẾN 3D
- THIẾT KẾ CÁNH QUẠT ĐÔI
- HỆ THỐNG LỌC KHÍ PLASMA

MSZ-FM25/35VA

MUZ-FM25/35VA

Siêu sáng trọng



3D i-see Sensor



TEM NĂNG LƯỢNG

nhiều sao hơn - tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: 2,6 KW (8.871 BTU/H)
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 7,14

MSZ-FM25VA



TEM NĂNG LƯỢNG

nhiều sao hơn - tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: 3,75 KW (12.795 BTU/H)
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 7,34

MSZ-FM35VA



MSZ-HL
SERIES

DÒNG INVERTER – HAI CHIỀU

- THIẾT KẾ HIỆN ĐẠI
- TIẾT KIỆM ĐIỆN
- VẬN HÀNH ÊM ÁI

MSZ-HL25/35/50VA

MUZ-HL25/35VA

MUZ-HL50VA



TEM NĂNG LƯỢNG

nhiều sao hơn - tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: 2,5 KW (8.530 BTU/H)
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 5,00

MSZ-HL25VA



TEM NĂNG LƯỢNG

nhiều sao hơn - tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: 3,3 KW (11.260 BTU/H)
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 5,24

MSZ-HL35VA

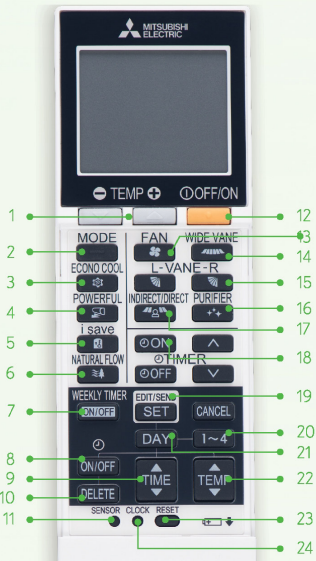


TEM NĂNG LƯỢNG

nhiều sao hơn - tiết kiệm hơn

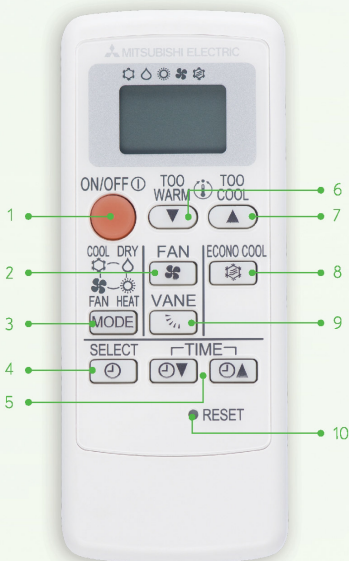
CÔNG SUẤT: 5 KW (17.060 BTU/H)
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): 5,86

MSZ-HL50VA



- 1 Điều chỉnh nhiệt độ
- 2 Mode - thiết lập chế độ vận hành
 - ☼ Chế độ chuyển mạch tự động AUTO
 - ❄️ Chế độ làm lạnh COOL
 - ☀️ Chế độ sưởi ấm HEAT
 - 💧 Chế độ hút ẩm DRY
 - 🌀 Chế độ quạt gió FAN
- 3 ECONO COOL - Tiết kiệm điện thông minh
- 4 POWERFUL - Làm lạnh nhanh
- 5 I SAVE - Sạc lưu chế độ
- 6 NATURAL FLOW - Kích hoạt tính năng gió tự nhiên
- 7 WEEKLY TIMER ON/OFF - Kích hoạt chương trình hẹn giờ tuần
- 8 ON/OFF - Hẹn khung giờ Bật/ Tắt từng ngày trong tuần
- 9 TIME: cài đặt giờ Bật/ Tắt trong ngày
- 10 Hủy cài đặt hiện hành
- 11 SENSOR - Kích hoạt mắt thần cảm ứng thân nhiệt
- 12 ON/OFF - Bật/tắt điều hòa
- 13 FAN - Điều chỉnh tốc độ quạt
- 14 WIDE VANE - Chọn hướng gió Trái Phải
- 15 L - VANE - R - Điều chỉnh từng cánh gió Trái - Phải
- 16 PURIFIER - Kích hoạt chế độ lọc khí
- 17 INDIRECT/DIRECT - Điều chỉnh luồng gió tách/ hợp
- 18 TIMER ON/OFF - Hẹn giờ bật/ tắt thông thường (trong 24 giờ)
- 19 SET (EDIT/SEND) - Thiết lập/ lưu các điều chỉnh hẹn giờ tuần
- 20 1-4 - Chọn các thời điểm Bật/ Tắt cho từng ngày trong tuần (tối đa 4 thời điểm/ ngày)
- 21 DAY - Chọn ngày/ thứ trong tuần
- 22 TEMP: cài đặt nhiệt độ cho từng khung giờ trong ngày
- 23 RESET - Thiết lập lại từ đầu
- 24 CLOCK - Cài đặt thời gian hiện tại

*Thiết kế có thể thay đổi, vui lòng tham khảo mẫu thật.



- 1 ON/OFF - Bật/ tắt điều hòa
- 2 FAN - Điều chỉnh tốc độ quạt
- 3 MODE - Lựa chọn chế độ vận hành
 - ❄️ Chế độ làm lạnh COOL
 - 💧 Chế độ hút ẩm DRY
 - ☀️ Chế độ sưởi ấm HEAT
 - 🌀 Chế độ quạt gió FAN
- 4 SELECT - Chọn chế độ hẹn giờ Bật/tắt
- 5 TIME - Điều chỉnh thời gian hẹn giờ
- 6 TOO WARM - Giảm nhiệt độ
- 7 TOO COOL - Tăng nhiệt độ
- 8 ECONO COOL - Tiết kiệm điện thông minh
- 9 VANE - Điều chỉnh hướng gió lên - xuống
- 10 RESET - Thiết lập lại từ đầu

*Thiết kế có thể thay đổi, vui lòng tham khảo mẫu thật.

MSY-GH
SERIES

DÒNG INVERTER – MỘT CHIỀU

- TIẾT KIỆM ĐIỆN
- VẬN HÀNH ÊM
- DỄ DÀNG VỆ SINH

MSY-GH10/13VA

MUY-GH10/13VA



★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG
nhiều sao hơn - tiết kiệm hơn

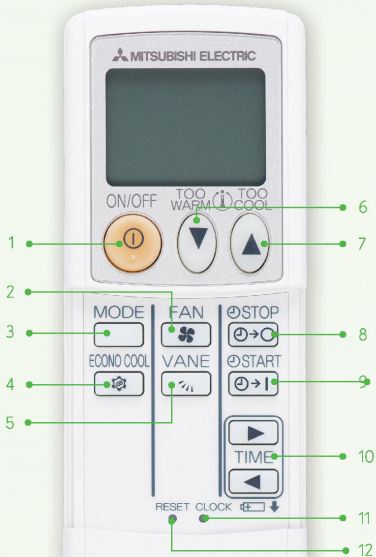
CÔNG SUẤT: **2,6 KW (8.871 BTU/H)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **5,43**

MSY-GH10VA

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG
nhiều sao hơn - tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **3,2 KW (10.918 BTU/H)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **5,5**

MSY-GH13VA



- 1 ON/OFF - Bật/tắt điều hòa
- 2 FAN - Điều chỉnh tốc độ quạt
- 3 MODE - Lựa chọn chế độ vận hành
 - ☀️ Chế độ vận hành tự động I-FEEL
 - ❄️ Chế độ làm lạnh COOL
 - 💧 Chế độ hút ẩm DRY
 - 🌀 Chế độ quạt gió FAN
- 4 ECONO COOL - Tiết kiệm điện thông minh
- 5 VANE - Thiết lập hướng gió Lên / Xuống
- 6 TOO WARM - Giảm nhiệt độ
- 7 TOO COOL - Tăng nhiệt độ
- 8 STOP - Thiết lập hẹn giờ tắt
- 9 START - Thiết lập hẹn giờ bắt
- 10 TIME - Điều chỉnh thời gian Tăng / Giảm 24h
- 11 CLOCK - Cài đặt thời gian hiện tại
- 12 RESET - Thiết lập lại từ đầu

*Thiết kế có thể thay đổi, vui lòng tham khảo mẫu thật.

MSY-GM
SERIES

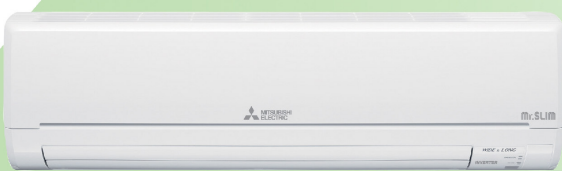
DÒNG INVERTER – MỘT CHIỀU

- TIẾT KIỆM ĐIỆN
- VẬN HÀNH ÊM
- TỰ ĐỘNG ĐẢO GIÓ NGANG

MSY-GM18/24VA

MUY-GM18VA

MUY-GM24VA



★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG
nhiều sao hơn - tiết kiệm hơn

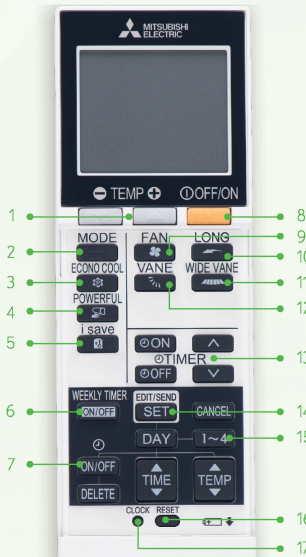
CÔNG SUẤT: **5,2 KW (17.742 BTU/H)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **6,58**

MSY-GM18VA

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG
nhiều sao hơn - tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **6,6 KW (22.519 BTU/H)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (CSPF): **6,61**

MSY-GM24VA



- 1 Điều chỉnh nhiệt độ Lên / Xuống
- 2 MODE - thiết lập chế độ vận hành
 - ☀️ Chế độ vận hành tự động I-FEEL
 - ❄️ Chế độ làm lạnh COOL
 - 💧 Chế độ hút ẩm DRY
 - 🌀 Chế độ quạt gió FAN
- 3 ECONO COOL - Tiết kiệm điện thông minh
- 4 POWERFUL - Làm lạnh nhanh
- 5 I SAVE - Thiết lập chế độ vận hành thường xuyên
- 6 WEEKLY TIMER ON/OFF - Kích hoạt chương trình hẹn giờ tuần
- 7 ON/OFF - Hẹn khung giờ bật/ tắt từng ngày trong tuần
- 8 ON/OFF - Bật tắt
- 9 FAN - Điều chỉnh tốc độ quạt
- 10 LONG - Kích hoạt luồng gió thổi xa
- 11 WIDE VANE - Điều chỉnh hướng gió trái - phải
- 12 VANE - Điều chỉnh hướng gió lên - xuống
- 13 TIMER ON/OFF - Hẹn giờ bật/ tắt thông thường (trong 24 giờ)
- 14 SET (EDIT/SEND) - Thiết lập/ lưu các điều chỉnh hẹn giờ tuần
- 15 DAY - chọn ngày/ thứ trong tuần
 - 1-4 - Chọn các thời điểm bật/ tắt cho từng ngày trong tuần (tối đa 4 thời điểm/ ngày)
- 16 RESET - Thiết lập lại từ đầu
- 17 CLOCK - Cài đặt thời gian hiện tại

*Thiết kế có thể thay đổi, vui lòng tham khảo mẫu thật.

MS-HM
SERIES

DÒNG SẢN PHẨM SANG TRỌNG

- HIỆU SUẤT VẬN HÀNH CAO
- CÀI ĐẶT ON/OFF 24H
- DỄ DÀNG VỆ SINH

MS-HM25/35/50VA

MS-HM60VA



MU-HM25/35VA

MU-HM50VA

MU-HM60VA



★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG
nhiều sao hơn - tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **2,6 KW (8.871 BTU/H)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (EER): **3,545**

MS-HM25VA

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG
nhiều sao hơn - tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **3,6 KW (12.283 BTU/H)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (EER): **3,338**

MS-HM35VA

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG
nhiều sao hơn - tiết kiệm hơn

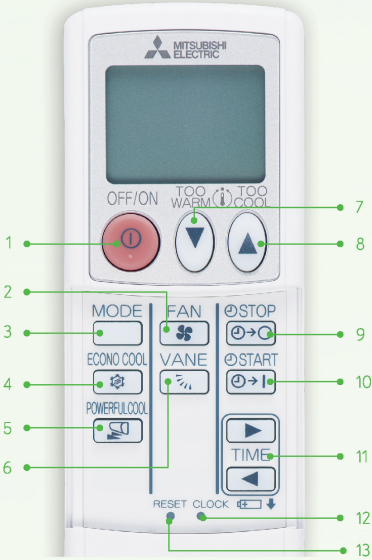
CÔNG SUẤT: **4,75 KW (16.207 BTU/H)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (EER): **2,981**

MS-HM50VA

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG
nhiều sao hơn - tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **6,4 KW (21.837 BTU/H)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (EER): **3,15**

MS-HM60VA



- 1 ON/OFF - Bật/tắt điều hòa
- 2 FAN - Điều chỉnh tốc độ quạt
- 3 MODE - Thiết lập chế độ vận hành
 - ☀️ Chế độ vận hành tự động I-Feel
 - ❄️ Chế độ làm lạnh COOL
 - 💧 Chế độ hút ẩm DRY
 - 🌀 Chế độ quạt gió FAN
- 4 ECONO COOL - Tiết kiệm điện thông minh
- 5 POWERFUL COOL - Làm lạnh nhanh
- 6 VANE - Điều chỉnh hướng gió lên - xuống
- 7 TOO WARM - Giảm nhiệt độ
- 8 TOO COOL - Tăng nhiệt độ
- 9 STOP - Thiết lập hẹn giờ tắt
- 10 START - Thiết lập hẹn giờ bật
- 11 TIME - Điều chỉnh thời gian Tắt / Giấm 24h
- 12 CLOCK - Cài đặt thời gian hiện tại
- 13 RESET - Thiết lập lại từ đầu

Lưu ý: Mẫu dùng cho MS-HM25/35/50
*Thiết kế có thể thay đổi, vui lòng tham khảo mẫu thật.

MS-HL
SERIES

DÒNG SẢN PHẨM BÁN SANG TRỌNG

- LÀM LẠNH NHANH
- TIẾT KIỆM THÔNG MINH
- VẬN HÀNH ÊM ÁI

MS-HL25/35VC

MU-HL25/35/50VC



★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG
nhiều sao hơn - tiết kiệm hơn

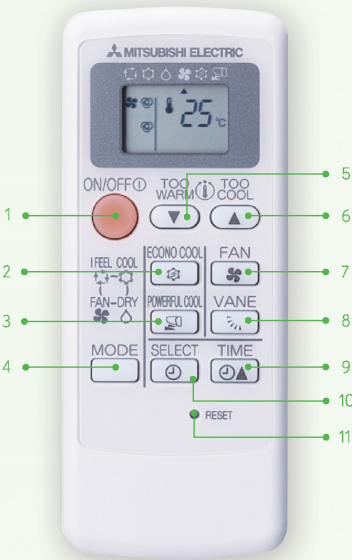
CÔNG SUẤT: **2,6 KW (8.871 BTU/H)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (EER): **3,257**

MS-HL25VC

★★★★★
TEM NĂNG LƯỢNG
nhiều sao hơn - tiết kiệm hơn

CÔNG SUẤT: **3,35 KW (11.430 BTU/H)**
HIỆU SUẤT NĂNG LƯỢNG (EER): **3,262**

MS-HL35VC



- 1 Bật/Tắt
- 2 ECONO COOL - Tiết kiệm điện thông minh
- 3 POWERFUL COOL - Làm lạnh nhanh
- 4 MODE - Thiết lập chế độ vận hành
 - ☀️ Chế độ vận hành tự động I-Feel
 - ❄️ Chế độ làm lạnh COOL
 - 💧 Chế độ hút ẩm DRY
 - 🌀 Chế độ quạt gió FAN
- 5 TOO WARM - Giảm nhiệt độ
- 6 TOO COOL - Tăng nhiệt độ
- 7 FAN - Điều chỉnh tốc độ quạt
- 8 VANE - Thiết lập hướng gió Lên / Xuống
- 9 TIME - Thiết lập thời gian Bật/Tắt 12h
- 10 SELECT - Chọn chế độ hẹn giờ Bật/tắt
- 11 RESET - Thiết lập lại từ đầu

*Thiết kế có thể thay đổi, vui lòng tham khảo mẫu thật.

CÁC TÍNH NĂNG CHÍNH

		DÒNG INVERTER 02 CHIỀU SIÊU SANG TRỌNG				DÒNG INVERTER 02 CHIỀU				DÒNG INVERTER 01 CHIỀU				DÒNG SANG TRỌNG 01 CHIỀU				DÒNG BÁN SANG TRỌNG 01 CHIỀU			
Tên model	Dàn lạnh	MSZ-FM25VA		MSZ-FM35VA		MSZ-HL25VA		MSZ-HL35VA		MSZ-HL50VA		MSY-GH10VA	MSY-GH13VA	MSY-GM18VA	MSY-GM24VA	MS-HM25VA	MS-HM35VA	MS-HM50VA	MS-HM60VA	MS-HL25VC	MS-HL35VC
	Dàn nóng	MUZ-FM25VA		MUZ-FM35VA		MUZ-HL25VA		MUZ-HL35VA		MUZ-HL50VA		MUY-GH10VA	MUY-GH13VA	MUY-GM18VA	MUY-GM24VA	MU-HM25VA	MU-HM35VA	MU-HM50VA	MU-HM60VA	MU-HL25VC	MU-HL35VC
Chức năng		Làm lạnh	Sưởi ấm	Làm lạnh	Sưởi ấm	Làm lạnh	Sưởi ấm	Làm lạnh	Sưởi ấm	Làm lạnh	Sưởi ấm	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh	Làm lạnh
Công suất Danh định <i>(Thấp - Cao)</i>	KW	2.6 (1.4-3.5)	3.2 (1.7-4.2)	3.75 (1.4-4.0)	4.0 (1.7-5.3)	2.5 (1.3-3.0)	3.15 (0.9-3.5)	3.3 (1.4-3.5)	3.6 (1.1-4.1)	5.0 (1.3-5.0)	5.4 (1.4-6.5)	2.6 (1.1-3.0)	3.2 (1.1-3.7)	5.2 (1.5-6.0)	6.6 (2.4-7.8)	2.6	3.6	4.8	6.4	2.6	3.4
	Btu / h	8,871 (4,777-11,942)	10,918 (5,800-14,330)	12,795 (4,777-13,648)	13,648(5,800-18,084)	8,530 (4,346-10,236)	10,745 (3,071-11,942)	11,280 (4,777-11,942)	12,283 (3,753-13,989)	17,060 (4,498-17,060)	18,425 (4,777-22,178)	8,871(3,753-10,236)	10,918(3,753-12,624)	17,742 (5,118-20,472)	22,519 (8,189-26,614)	8,871	12,283	16,207	21,837	8,871	11,430
Tiêu thụ điện	KW	0.54	0.64	1.00	0.89	0.73	0.87	1.24	0.99	2.05	1.48	0.79	1.03	1.45	1.83	0.77	1.14	1.61	2.14	0.85	1.11
Hiệu suất năng lượng (CSPF/EER)	TCVN 7830 : 2012	★★★★★		★★★★★		★★★★★		★★★★★		★★★★★		★★★★★	★★★★★	★★★★★	★★★★★	★★★★★	★★★★★	★★★★★	★★★★★	★★★★★	★★★★★
		7.14		7.34		5.00		5.24		5.86		5.43	5.5	6.58	6.61	3.55	3.34	2.98	3.15	3.26	3.28
Môi chất lạnh		R410a		R410a		R410a		R410a		R410a		R410a	R410a	R410a	R410a	R410a	R410a	R410a	R410a	R22	R22
Dòng điện vận hành	A	2.8	3.2	4.8	4.3	3.7	4.4	5.9	5.0	9.5	7	3.8	5.0	6.7	8.4	3.6	5.3	7.5	9.9	4.0	5.3
Lưu lượng gió (Cao nhất)	m3/phn	11.6	12.5	11.6	12.5	9.5	10	10.9	10.3	12.9	14.3	9.6	10.5	17.7	19.3	10.2	11.8	16.5	20.1	10.3	10.4
Kích thước <i>(Dài x Rộng x Sâu)</i>	Dàn lạnh	mm 925 x 305(+17) x 234		925 x 305(+17) x 234		799 x 290 x 232		799 x 290 x 232		799 x 290 x 232		788 x 295 x 234	788 x 295 x 234	1,100 x 325 x 238	1,100 x 325 x 238	799 x 290 x 232	799 x 290 x 232	799 x 290 x 232	1,100 x 325 x 238	788 x 295 x 234	788 x 295 x 234
	Dàn nóng	mm 800 x 550 x 285		800 x 550 x 285		699 x 538 x 249		699 x 538 x 249		800 x 550 x 285		684 x 540 x 255	684 x 540 x 255	800 x 550 x 285	840 x 880 x 330	718 x 525x 255	718 x 525x 255	800 x 550 x 285	840 x 880 x 330	718 x 525 x 255	718 x 525 x 255
Trọng lượng	Dàn lạnh	kg 13.5		13.5		9		9		9		9	9	16	16	9	9	9.5	16	9	9
	Dàn nóng	kg 35		35		24		25		36		25	24	35	90	24	35	36.5	56.5	24	28.5
Độ ồn	Dàn lạnh <i>(Thấp nhất - Cao nhất)</i>	dB(A) 20 - 42		20 - 44		21 - 42		21 - 44		22 - 43		22 - 45	23 - 44	28 - 45	27 - 47	21 - 43	22 - 43	28 - 49	30 - 51	26 - 44	29 - 48
	Dàn nóng <i>(Cao nhất)</i>	dB(A) 49		50		49		50		50		50	51	50	50	47	48	52	55	47	51
Khả năng hút ẩm	ℓ/h	0.3		1.1		0.5		1.1		2.1		0.6	1.2	1.4	2.0	0.8	1.2	1.4	1.9	1.1	1.6
Kích cỡ ống	Gas	mm 9.52		9.52		9.52		9.52		12.7		9.52	9.52	12.7	15.88	9.52	12.7	12.7	15.88	9.52	12.7
(Đường kính ngoài)	Chất lỏng	mm 6.35		6.35		6.35		6.35		6.35		6.35	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35	6.35
Nguồn cấp điện		Dàn nóng		Dàn nóng		Dàn lạnh		Dàn lạnh		Dàn lạnh		Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn nóng	Dàn lạnh	Dàn lạnh
Độ dài nối ống chuẩn	m	7		7		7		7		7		7.5	7.5	7.5	7.5	7.5	7.5	7.5	7.5	7.5	7.5
Lượng gas lạnh đã nạp sẵn	kg	1.15		1.15		0.7		0.72		1.15		0.7	0.75	1.25	1.6	0.67	1	1.1	1.35	0.53	0.6
Lượng gas lạnh cần bổ sung	g/m	30		30		20		20		20		30	30	30	20	20	20	20	20	15	15
Độ dài đường ống tối đa	m	20		20		20		20		20		20	20	20	30	20	20	30	30	20	20
Chênh lệch độ cao tối đa	m	12		12		12		12		12		12	12	12	15	10	10	10	10	10	10
Tính năng																					
Điều khiển biến tần - PAM Inverter		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Tiết kiệm điện thông minh - Econo Cool		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Tái sử dụng đường ống R22		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Thiết kế dễ vệ sinh - Easy Clean		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Làm lạnh nhanh - Powerful Cool		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Vận hành thông minh - Fuzzy Logic		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Chế độ ghi nhớ thông minh - I-save		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Điều chỉnh 05 hướng thổi gió dọc		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Điều chỉnh 06 hướng thổi gió ngang		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Điều chỉnh hướng thổi xa		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Màng lọc Nano Platinum		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Màng lọc Enzym chống dị ứng		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Màng lọc Plasma		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Mắt thần cảm biến "I-See"		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Thiết kế cánh quạt đôi		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Chế độ gió tự nhiên		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Chế độ hẹn giờ tự động Bật / Tắt trong ngày		⌚		⌚		⌚		⌚		⌚		⌚	⌚	⌚	⌚	⌚	⌚	⌚	⌚	⌚	⌚
Chế độ hẹn giờ tự động Bật / Tắt trong 07 ngày		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Tự khởi động sau khi mất nguồn		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●
Dàn nóng mạ sơn chống rỉ sét 2 lớp		●		●		●		●		●		●	●	●	●	●	●	●	●	●	●

* Lưu ý:
- Mức công suất ứng với nhiệt độ phòng 27°C DB / 19C WB - Nhiệt độ ngoài trời 35C DB
- Kiểm nghiệm độ ồn được thực hiện theo tiêu chuẩn như điều 01 tại nhà máy. Trong quá trình hoạt động thực tế có thể cao hơn do ảnh hưởng điều kiện xung quanh
- Đối với các dòng máy sử dụng gas R410A, không sử dụng ống đồng có bề dày dưới 0.7mm

* Thiết kế và các tính năng sản phẩm có thể thay đổi mà không báo trước